

Số: 04/2025/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X - KỲ HỌP ĐỘT XUẤT LẦN THỨ MƯỜI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thi Tốt nghiệp trung học phổ thông;

Xét Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định về nội dung, mức chi đối với các kỳ thi giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Quy định chuyển tiếp: Đối với nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi giáo dục phổ thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khoá X, Kỳ họp đột xuất lần thứ mười ba thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH Tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo điện tử Tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Thắng

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Kèm theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung và mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham gia các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, bao gồm:

a) Nội dung, mức chi tiền công thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa các cấp, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.

b) Nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác (được cấp có thẩm quyền quyết định) áp dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông được tổ chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục công lập, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, hội thi, cuộc thi theo quy định.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Mức chi quy định tại Quy định này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy định này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

2. Việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí thực hiện kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản có liên quan. Các cơ quan, tổ chức cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ.

3. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn Tỉnh không quy định tại Quy

định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

4. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Mức chi theo Quy định này là mức chi tối đa. Tùy theo nguồn kinh phí của các cơ quan, đơn vị xây dựng mức chi cho phù hợp để đảm bảo nguồn kinh phí giao hàng năm và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo phân bổ hàng năm theo phân cấp ngân sách.

2. Nguồn huy động hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỂ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI

Điều 4. Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông

1. Ban chỉ đạo kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông cấp tỉnh

- a) Trưởng ban: 350.000 đồng/người/ngày;
- b) Phó Trưởng ban: 300.000 đồng/người/ngày;
- c) Ủy viên, thư ký: 230.000 đồng/người/ngày.

Thời gian thực hiện nhiệm vụ: tối đa không quá 20 ngày.

2. Hội đồng thi

- a) Chủ tịch: 350.000 đồng/người/ngày;
- b) Phó Chủ tịch: 300.000 đồng/người/ngày;
- c) Ủy viên: 230.000 đồng/người/ngày.

3. Ban Thư ký Hội đồng thi

- a) Trưởng ban: 350.000 đồng/người/ngày;
- b) Phó Trưởng ban: 300.000 đồng/người/ngày;
- c) Ủy viên: 230.000 đồng/người/ngày.

4. Hội đồng, Ban sao in đề thi

- a) Chủ tịch, Trưởng ban: 350.000 đồng/người/ngày;
- b) Phó Chủ tịch, Phó Trưởng ban: 300.000 đồng/người/ngày;
- c) Ủy viên, thư ký làm việc cách ly, nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly: 230.000 đồng/người/ngày;

d) Nhân viên phục vụ, công an, nhân viên y tế: 150.000 đồng/người/ngày.

5. Ban vận chuyển (*giao đề thi, nhận bài thi*)

a) Trưởng ban: 350.000 đồng/người/ngày;

b) Phó Trưởng ban: 300.000 đồng/người/ngày;

c) Ủy viên, công an làm nhiệm vụ bảo vệ, giám sát: 230.000 đồng/người/ngày;

d) Nhân viên phục vụ: 150.000 đồng/người/ngày.

6. Ban coi thi, Điểm thi

a) Trưởng ban, Trưởng Điểm thi: 300.000 đồng/người/ngày;

b) Phó Trưởng ban, Phó Trưởng Điểm thi: 260.000 đồng/người/ngày;

c) Ủy viên, thư ký, giám thị, giám sát, công an, bác sĩ y tế: 210.000 đồng/người/ngày;

d) Bảo vệ, cán bộ y tế, nhân viên phục vụ, trật tự viên: 150.000 đồng/người/ngày.

7. Ban, Tổ làm phách

a) Trưởng ban: 350.000 đồng/người/ngày;

b) Phó Trưởng ban: 300.000 đồng/người/ngày;

c) Ủy viên, công an: 230.000 đồng/người/ngày;

d) Bảo vệ, nhân viên phục vụ, cán bộ y tế: 150.000 đồng/người/ngày.

8. Hội đồng, Ban chấm thi (*tự luận, trắc nghiệm*), Hội đồng, Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng, Ban chấm thẩm định bài thi

a) Chủ tịch, Trưởng ban: 350.000 đồng/người/ngày;

b) Phó Chủ tịch, Phó Trưởng ban: 300.000 đồng/người/ngày;

c) Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, công an: 230.000 đồng/người/ngày;

d) Bảo vệ, nhân viên phục vụ, cán bộ y tế: 150.000 đồng/người/ngày.

9. Chấm thi

a) Chấm bài thi tự luận, trắc nghiệm: 350.000 đồng/người/ngày (*gồm: thư ký, giám khảo*);

b) Giám sát chấm trắc nghiệm: 210.000 đồng/người/ngày;

c) Chấm kiểm tra môn tự luận (*chấm ít nhất 5% số lượng bài thi*): 300.000 đồng/người/ngày;

d) Chấm bài phúc khảo: 210.000 đồng/người/ngày (*gồm: giám khảo chấm phúc khảo, giám khảo chấm thẩm định*).

10. Thanh tra (*chỉ áp dụng đối với người làm công tác thanh tra kiêm nhiệm*)

a) Trưởng đoàn thanh tra: 300.000 đồng/người/ngày;

b) Đoàn viên thanh tra, Thư ký: 210.000 đồng/người/ngày;

c) Thanh tra viên độc lập: 250.000 đồng/người/ngày.

Điều 5. Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa, tin học trẻ không chuyên và ý tưởng khởi nghiệp cấp tỉnh, học sinh giỏi cấp quốc gia

1. Ban Tổ chức

a) Trưởng ban: 300.000 đồng/người/ngày;

b) Phó Trưởng ban: 260.000 đồng/người/ngày;

c) Thư ký, ủy viên: 230.000 đồng/người/ngày.

2. Hội đồng ra đề và in sao đề

a) Chủ tịch Hội đồng: 300.000 đồng/người/ngày;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: 260.000 đồng/người/ngày;

c) Ủy viên, thư ký, công an: 230.000 đồng/người/ngày;

d) Bảo vệ, nhân viên phục vụ, nhân viên y tế: 150.000 đồng/người/ngày.

3. Hội đồng coi thi

a) Chủ tịch Hội đồng: 300.000 đồng/người/ngày;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: 260.000 đồng/người/ngày;

c) Ủy viên, thư ký, giám thị, công an: 230.000 đồng/người/ngày;

d) Bảo vệ, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ: 150.000 đồng/người/ngày.

4. Hội đồng chấm thi/phúc khảo

a) Chủ tịch Hội đồng: 300.000 đồng/người/ngày;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: 260.000 đồng/người/ngày;

c) Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, công an: 230.000 đồng/người/ngày;

d) Bảo vệ, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ: 150.000 đồng/người/ngày.

5. Thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (*chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm*)

a) Trưởng đoàn thanh tra: 300.000 đồng/người/ngày;

b) Đoàn viên thanh tra, thư ký: 210.000 đồng/người/ngày;

c) Thanh tra viên độc lập: 250.000 đồng/người/ngày.

6. Chấm thi gồm chấm bài thi tự luận, bài thi nói, bài thi thực hành, cán bộ thuộc Tổ xử lý bài thi trắc nghiệm

a) Thi chọn học sinh giỏi: 300.000 đồng/người/ngày;

b) Thi chọn học sinh vào đội tuyển dự thi cấp quốc gia: 350.000 đồng/người/ngày.

7. Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, đề thi tự luận

a) Xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, gồm:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI
1	Soạn thảo câu trắc nghiệm đưa vào biên tập	đồng/câu	40.000
2	Thẩm định và biên tập câu trắc nghiệm	đồng/câu	35.000
3	Đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm	đồng/người/ngày	230.000

b) Ra đề thi học sinh giỏi các môn văn hóa và thi tin học:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI
1	Ra đề thi đề xuất môn tự luận		
a	Thi học sinh giỏi	đồng/đề/môn	600.000
b	Thi chọn học sinh vào đội tuyển dự thi cấp quốc gia	đồng/đề/môn	800.000
2	Ra đề thi phản biện, chính thức và dự bị (<i>đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành</i>)		
a	Thi chọn học sinh giỏi	đồng/người/ngày	500.000
b	Thi chọn học sinh vào đội tuyển dự thi cấp quốc gia	đồng/người/ngày	600.000

8. Tập huấn đội tuyển dự thi các cấp; đội tuyển của tỉnh dự thi cấp quốc gia; thi chọn đội tuyển dự thi cấp quốc gia, đội tuyển quốc gia dự thi Olympic và khu vực; dự thi cấp quốc gia tin học trẻ và ý tưởng khởi nghiệp:

a) Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn: 150.000 đồng/người/ngày;

b) Tiền công biên soạn và giảng dạy đội tuyển chính thức dự thi các cấp:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI
1	Dạy lý thuyết	đồng/tiết	200.000
2	Dạy thực hành	đồng/tiết	300.000
3	Trợ lý thí nghiệm, thực hành	đồng/tiết	100.000

c) Tiền công biên soạn và giảng dạy (*đội tuyển của tỉnh dự thi cấp quốc gia; thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic và khu vực*) (*đội tuyển chính thức*):

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI
1	Dạy lý thuyết	đồng/tiết	250.000
2	Dạy thực hành	đồng/tiết	350.000
3	Trợ lý thí nghiệm, thực hành	đồng/tiết	115.000

9. Mức chi tiền công chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ tại các kỳ thi do cấp cơ sở tổ chức: không quá 70% mức chi quy định tại Điều 5 của Quy định này.

Điều 6. Mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện tuyển sinh đầu cấp

1. Tiền công Hội đồng tuyển sinh (*nhận, kiểm tra hồ sơ xét duyệt tuyển sinh*) lớp 1, tuyển sinh lớp 6, lớp 10; Hội đồng xét hoàn thành chương trình tiểu học; Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở

- a) Chủ tịch Hội đồng: 210.000 đồng/người/ngày;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng: 170.000 đồng/người/ngày;
- c) Ủy viên, thư ký: 140.000 đồng/người/ngày.

2. Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học phổ thông

- a) Trưởng ban: 300.000 đồng/người/ngày;
- b) Phó Trưởng ban: 260.000 đồng/người/ngày;
- c) Thư ký, ủy viên: 230.000 đồng/người/ngày.

3. Hội đồng ra đề, in sao đề thi tuyển lớp 10, lớp 10 chuyên, Hội đồng chấm thi lớp 10 chuyên và không chuyên, Hội đồng chấm phúc khảo

- a) Chủ tịch Hội đồng: 300.000 đồng/người/ngày;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng: 260.000 đồng/người/ngày;
- c) Ủy viên, thư ký, công an: 230.000 đồng/người/ngày;
- d) Bảo vệ, nhân viên phục vụ, nhân viên y tế: 150.000 đồng/người/ngày.

4. Hội đồng coi thi

- a) Chủ tịch Hội đồng: 265.000 đồng/người/ngày;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng: 250.000 đồng/người/ngày;
- c) Ủy viên, thư ký, giám thị, công an: 210.000 đồng/người/ngày;
- d) Bảo vệ, nhân viên phục vụ: 150.000 đồng/người/ngày.

5. Tiền công ra đề thi, phản biện đề thi (*đề đề xuất, chính thức, dự bị*)

- a) Lớp 10, môn chuyên: 500.000 đồng/người/ngày;
- b) Lớp 10, môn không chuyên: 400.000 đồng/người/ngày.

6. Chấm thi

a) Chấm bài thi tự luận, chấm kiểm tra môn tự luận (*chấm ít nhất 5% số lượng bài thi*), chấm phúc khảo bài thi:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI
1	Lớp 10 chuyên	đồng/người/ngày	350.000
2	Lớp 10 không chuyên	đồng/người/ngày	250.000

b) Chi cho cán bộ thuộc Tổ xử lý bài thi trắc nghiệm: 240.000 đồng/người/ngày.

7. Thanh tra trước, trong và sau khi thi lớp 10, lớp 10 chuyên (*chỉ áp dụng*

đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm)

- a) Trưởng đoàn thanh tra: 240.000 đồng/người/ngày;
- b) Đoàn viên thanh tra, thư ký: 170.000 đồng/người/ngày;
- c) Thanh tra viên độc lập: 200.000 đồng/người/ngày.

Điều 7. Nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo

1. Tiền công Ban Tổ chức, Ban, Hội đồng của các kỳ thi, hội thi, kiểm tra, đánh giá định kỳ

- a) Trưởng ban, Chủ tịch Hội đồng: 250.000 đồng/người/ngày;
- b) Phó Trưởng ban, Phó Chủ tịch Hội đồng: 200.000 đồng/người/ngày;
- c) Thư ký, ủy viên, hỗ trợ kỹ thuật: 160.000 đồng/người/ngày;
- d) Bảo vệ, phục vụ: 100.000 đồng/người/ngày.

2. Tiền công Ban, Hội đồng ra đề, Ban, Hội đồng in sao đề thi, kiểm tra đánh giá định kỳ; Ban, Hội đồng coi thi, Ban, Hội đồng chấm thi các kỳ thi, hội thi, cuộc thi

- a) Chủ tịch Ban, Hội đồng, Trưởng ban: 210.000 đồng/người/ngày;
- b) Phó Chủ tịch Ban, Hội đồng, Phó Trưởng ban: 180.000 đồng/người/ngày;
- c) Ủy viên, thư ký, công an: 150.000 đồng/người/ngày;
- d) Bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế: 100.000 đồng/người/ngày;
- đ) Ra đề (*tự luận, trắc nghiệm, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội*): 400.000 đồng/người/ngày.

3. Bạc mâm non

a) Tiền công cán bộ ra đề thi và chấm thi Ban tổ chức, Ban (Hội đồng) ra đề, Ban (Hội đồng) coi thi, Ban chấm thi: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Quy định này;

b) Ra đề thi:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI
1	Giáo viên dạy giỏi và hội thi được cấp có thẩm quyền quyết định đối với giáo viên	đồng/bộ đề	500.000
2	Các hội thi của bé, ngày hội giao lưu của bé (<i>bé nhanh trí, bé nội trợ, bé khéo tay, an toàn giao thông, bé khỏe bé ngoan và các hội thi khác được cấp có thẩm quyền quyết định dành cho các bé, trẻ mầm non</i>)	đồng/bộ đề	400.000

a	Tự luận	đồng/bộ đề	400.000
b	Trắc nghiệm	đồng/câu	40.000

c) Chấm thi giáo viên dạy giỏi và hội thi được cấp có thẩm quyền quyết định:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI
1	Dự giờ, rút kinh nghiệm, kiểm tra hồ sơ, trình bày biện pháp nâng cao chất lượng, chấm giải pháp:		
a	Mời chuyên gia, mời cán bộ, công chức, viên chức thuộc sở, ngành cấp tỉnh: có trình độ từ thạc sĩ, chuyên viên chính trở lên		Thực hiện Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
b	Chuyên viên, giáo viên trong ngành	đồng/người/buổi	300.000
2	Chấm bài		
a	Lý thuyết (tự luận)	đồng/người/ngày	250.000
b	Chấm giải pháp	đồng/người/buổi	300.000
3	Đồ dùng dạy học, sản phẩm kỹ thuật	đồng/sản phẩm	70.000

d) Tiền công Ban giám khảo các hội thi của học sinh và các hội thi được cấp có thẩm quyền quyết định:

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI
1	Mời chuyên gia, mời cán bộ, công chức, viên chức thuộc sở, ngành cấp tỉnh: có trình độ từ thạc sĩ, chuyên viên chính trở lên	Thực hiện theo điểm c khoản 3 Điều này
2	Chuyên viên, giáo viên trong ngành	300.000 đồng/buổi/người
3	Hỗ trợ tiền ăn và nước uống cho học sinh tham gia dự thi thực tế và các thành viên là học sinh hỗ trợ thi	150.000 đồng/người/ngày

4. Bậc phổ thông (gồm: Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông)

a) Giáo viên dạy giỏi, tổng phụ trách đội giỏi, hội thi (cuộc thi) đồ dùng dạy học tự làm, xây dựng thiết bị dạy học số và hội thi, cuộc thi phong trào được cấp có thẩm quyền quyết định:

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI
1	Tiền công Ban tổ chức, Ban (Hội đồng) ra đề, Ban (Hội đồng) coi thi, Ban chấm thi	Mức chi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI
2	Ra đề	
a	Tự luận	500.000 đồng/bộ đề
b	Trắc nghiệm	200.000 đồng/người/ngày
3	Chấm thi	Thực hiện mức chi tại điểm c khoản 3 Điều này

b) Thi khoa học kỹ thuật, hùng biện tiếng Anh, văn nghệ học đường, cuộc thi trên in-tơ-nét (internet); ngày hội giao lưu học sinh, thi thử, thi diễn tập và các hội thi được cấp có thẩm quyền quyết định:

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI
1	Tiền công Ban tổ chức, Ban (Hội đồng) ra đề, Ban (Hội đồng) coi thi, Ban in sao đề thi/kiểm tra	Mức chi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này
2	Ra đề thi	
a	Tự luận	500.000 đồng/bộ đề
b	Trắc nghiệm	30.000 đồng/câu
3	Chấm thi (<i>trừ việc chấm thi/kiểm tra định kỳ</i>)	Thực hiện mức chi tại điểm c khoản 3 Điều này
4	Hỗ trợ đề tài (<i>sản phẩm</i>) đạt chính thức (<i>nhất, nhì, ba</i>)	Hỗ trợ 30% chi phí/đề tài (<i>sản phẩm</i>)
5	Hoàn chỉnh các đề tài chọn dự thi cấp quốc gia: Mời chuyên gia chấm: Giáo sư, Phó Giáo sư, Giảng viên cao cấp, Giảng viên chính, Tiến sĩ.	Thực hiện Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tỉnh
6	Hỗ trợ tiền ăn và nước uống cho các thành viên và học sinh tham gia (<i>đối với cuộc thi trên internet, ngày hội giao lưu học sinh và các hội thi khác được cấp có thẩm quyền quyết định</i>)	150.000 đồng/người/ngày

Điều 8. Mức tiền thưởng giáo viên và học sinh tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

1. Mức tiền thưởng cho học sinh giỏi các môn văn hóa và được cấp có thẩm quyền quyết định

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI
1	Học sinh giỏi cấp quốc gia		
a	Giải nhất, nhì, ba		Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 5 nghị định 110/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ quy định chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đạt

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI
			giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế
b	Giải khuyến khích	đồng/học sinh/giải	800.000
2	Học sinh giỏi cấp tỉnh		
a	Giải nhất	đồng/học sinh/giải	1.200.000
b	Giải nhì	đồng/học sinh/giải	900.000
c	Giải ba	đồng/học sinh/giải	700.000
d	Giải khuyến khích	đồng/học sinh/giải	500.000

2. Mức tiền thưởng các hội thi, cuộc thi của ngành giáo dục

a) Mức tiền thưởng giáo viên bậc mầm non và phổ thông:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI
1	Giáo viên dạy giỏi, tổng phụ trách giỏi, chủ nhiệm giỏi		
	Đạt giải	đồng/người/giải	1.000.000
2	Các hội thi, cuộc thi: đồ dùng dạy học tự làm, xây dựng thiết bị dạy học số và hội thi, cuộc thi phong trào được cấp thẩm quyền quyết định		
2.1	Giải cá nhân		
a	Giải nhất	đồng/người/giải	800.000
b	Giải nhì	đồng/người/giải	600.000
c	Giải ba	đồng/người/giải	500.000
d	Giải khuyến khích	đồng/người/giải	400.000
2.2	Giải tập thể		
a	Giải nhất	đồng/tập thể/giải	1.400.000
b	Giải nhì	đồng/tập thể/giải	1.200.000
c	Giải ba	đồng/tập thể/giải	1.000.000
d	Giải khuyến khích	đồng/tập thể/giải	800.000

b) Mức tiền thưởng cho các bé, trẻ em bậc mầm non tham gia các hội thi, cuộc thi:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI
1	Giải cá nhân		
a	Giải nhất	đồng/người/giải	600.000
b	Giải nhì	đồng/người/giải	500.000
c	Giải ba	đồng/người/giải	400.000
d	Giải khuyến khích	đồng/người/giải	300.000
2	Giải tập thể		
a	Giải nhất	đồng/tập thể/giải	1.000.000
b	Giải nhì	đồng/tập thể/giải	800.000
c	Giải ba	đồng/tập thể/giải	600.000
d	Giải khuyến khích	đồng/tập thể/giải	500.000

c) Mức tiền thưởng học sinh phổ thông tham gia các hội thi, cuộc thi:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI
1	Giải cá nhân		
a	Giải nhất	đồng/người/giải	800.000
b	Giải nhì	đồng/người/giải	600.000
c	Giải ba	đồng/người/giải	500.000
d	Giải khuyến khích	đồng/người/giải	400.000
2	Giải tập thể		
a	Giải nhất	đồng/tập thể/giải	1.600.000
b	Giải nhì	đồng/tập thể/giải	1.200.000
c	Giải ba	đồng/tập thể/giải	1.000.000
d	Giải khuyến khích	đồng/tập thể/giải	800.000

d) Mức tiền thưởng ý tưởng khởi nghiệp:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI
1	Giải đặc biệt	đồng/giải	6.000.000
2	Giải nhất	đồng/giải	4.500.000
3	Giải nhì	đồng/giải	3.000.000
4	Giải ba	đồng/giải	2.400.000
5	Giải khuyến khích	đồng/giải	1.500.000

3. Mức chi tiền khen thưởng tại các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp cơ sở tổ chức: không quá 70% mức chi quy định tại Điều 8 của Quy định này.

Điều 9. Các nội dung và mức chi liên quan đến công tác tổ chức chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

1. Chi phí thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

2. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi tiền ở, đi lại của chuyên gia, những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (nếu có); giáo viên (nếu có) và học sinh các đội tuyển trong quá trình tập huấn, tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp trên địa bàn Tỉnh, cấp quốc gia các môn văn hóa; kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa; kỳ thi tin học trẻ không chuyên và khoa học kỹ thuật học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông các cấp trên địa bàn Tỉnh, cấp quốc gia và khu vực: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 142/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly:

a) Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly mức chi bằng 150% mức chi quy định tại Nghị quyết số 142/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tỉnh;

b) Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (*cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách*) mức chi quy định tại Nghị quyết số 142/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

4. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (nếu có), giáo viên (nếu có) và học sinh các đội tuyển tham dự đội tuyển cấp quốc gia và khu vực mức chi quy định tại Nghị quyết số 142/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

5. Chi tiền công thuê chuyên gia giảng dạy lớp tập huấn, bồi dưỡng đội tuyển dự thi quốc gia, Olympic và khu vực (*đội tuyển chính thức*): thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Nghị quyết số 40/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ban hành kèm theo Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh./.